Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2929.10.10

Mã HS	2929.10.10
Mô tả hàng hóa	Hợp chất chức nitơ khác / - Isocyanates: / - - Diphenylmetan diisoxyanat (MDI)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	07/11/2026 13:33:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29291010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4271
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4271
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4271
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4225
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4186
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4186
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4186
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4186
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4186
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4186
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4224
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4224

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4224
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4224
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4224
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4224
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4228
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4228
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4228
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4228
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4228
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4228
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4228
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4192
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4188
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4188
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4188
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4188
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4188
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4188
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4188
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4188
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4188
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4188
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4188
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4188
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4235
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4235

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4235
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4235
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4235
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4235
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4232
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4232
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4232
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4232
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4232
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4232
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4240
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4240
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4240
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4240
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4240
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4240
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4211
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4211
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4211
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4211
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4211
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4211
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4213
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4213
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4213
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4213

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4213
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4213
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4211
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4211
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4211
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4211
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4211
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4211
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4211
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4232
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4232
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4232
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4232
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4232
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4232
RCEP B	2022	2022	0	B!D4232
RCEP B	2023	2023	0	B!E4232
RCEP B	2024	2024	0	B!F4232
RCEP B	2025	2025	0	B!G4232
RCEP B	2026	2026	0	B!H4232
RCEP B	2027	2027	0	B!I4232
RCEP C	2022	2022	0	C!D4232
RCEP C	2023	2023	0	C!E4232
RCEP C	2024	2024	0	C!F4232
RCEP C	2025	2025	0	C!G4232
RCEP C	2026	2026	0	C!H4232

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4232
RCEP D	2022	2022	0	D!D4232
RCEP D	2023	2023	0	D!E4232
RCEP D	2024	2024	0	D!F4232
RCEP D	2025	2025	0	D!G4232
RCEP D	2026	2026	0	D!H4232
RCEP D	2027	2027	0	D!I4232
RCEP E	2022	2022	0	E!D4235
RCEP E	2023	2023	0	E!E4235
RCEP E	2024	2024	0	E!F4235
RCEP E	2025	2025	0	E!G4235
RCEP E	2026	2026	0	E!H4235
RCEP E	2027	2027	0	E!I4235
RCEP F	2022	2022	0	F!D4232
RCEP F	2023	2023	0	F!E4232
RCEP F	2024	2024	0	F!F4232
RCEP F	2025	2025	0	F!G4232
RCEP F	2026	2026	0	F!H4232
RCEP F	2027	2027	0	F!I4232
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3890
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3890
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3890
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3890

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2929.10 có 3 dòng thuế; dòng 2929.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Diphenylmetan diisoxyanat (MDI).	2929.10.20 Toluen diisoxyanat; 2929.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2929.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2929.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4271), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.